



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II

Chương trình Tiếng Anh Toán lớp 3 - Smart Maths 3

(Năm học: 2022-2023)

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

- HS ôn tập các từ vựng, cấu trúc chính đã học từ tuần 17 đến tuần 28.

Tên chương/ Tên tiết học	Mục tiêu	Ôn tập từ vựng	Ôn tập cấu trúc
Unit 3. Time (Thời gian)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giờ kém 15 phút, hơn 15 phút và hơn 30 phút bằng tiếng Anh. - Sử dụng “a.m” và “p.m” để nói giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - a quarter to five (5 giờ kém 15) - a quarter past 5 (5 giờ 15 phút/ 5:15) - half past five (5 rưỡi/ 5 giờ 30 phút/ 5:30) - a.m (dùng cho giờ sáng) VD: 5 a.m (5 giờ sáng) - p.m (dùng cho giờ chiều và tối) VD: 5 p.m (5 giờ chiều) 	<ul style="list-style-type: none"> • What time is it? (Bây giờ là mấy giờ?) - It's half past five. (Bây giờ là 5 rưỡi.)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (Phép nhân và phép chia -	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bảng nhân 8 và 9 bằng tiếng Anh. - Xác định thừa số và tích. 	<ul style="list-style-type: none"> - factor (thừa số) - product (tích) 	<ul style="list-style-type: none"> $8 \times 4 = 42$ 8 multiplied by 4 equals 32. = 8 times 4 equals 32.

<p>Tiếp theo</p> <p>Lesson 1. Multiplication tables of 8 and 9 (<i>Bảng nhân 8 và 9</i>)</p>			(8 nhân 4 bằng 32.)
<p>Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>)</p> <p>Lesson 2. Multiplication (Phép nhân)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các phép tính nhân. - Xác định thừa số và tích. - Ôn đọc, viết số có 3 chữ số bằng tiếng Anh. 		$12 \times 6 = 72$ 12 multiplied by 6 equals 72. = 12 times 6 equals 72. <i>(12 nhân 6 bằng 72.)</i>
<p>Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>)</p> <p>Lesson 3. Division tables of 8 and 9. (<i>Bảng chia cho 8 và 9</i>)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bảng chia cho 8 và 9. - Xác định số bị chia, số chia và thương. 	<ul style="list-style-type: none"> - dividend (số bị chia) - divisor (số chia) - quotient (thương) 	$32 : 8 = 4$ 32 divided by 8 equals 4. <i>(32 chia 8 bằng 4.)</i>
<p>Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>)</p> <p>Lesson 4. Division (Phép chia)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các phép tính chia. - Xác định số bị chia, số chia, thương và số dư của phép chia có dư. - Ôn đọc, viết số có 3 chữ số bằng tiếng Anh. 	<ul style="list-style-type: none"> - remainder (số dư) - left over (còn thừa, còn dư) 	$19 : 6 = 3 \text{ R } 1$ 19 divided by 6 equals 3 with a remainder of 1. <i>(19 chia 6 bằng 3, dư 1.)</i>
<p>Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>)</p> <p>Lesson 5. Word problems (<i>Các bài toán có lời văn</i>)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải các bài toán có lời văn đơn giản liên quan đến phép nhân và phép chia. - Xem lại các bài toán trong tài liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - double (gấp đôi) - each (mỗi) - share (chia nhau) - equally (đều nhau) - left over (còn thừa, còn dư) 	

<p>Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 1. Length (Độ dài)</p>	<p>- Đọc & viết các đơn vị đo độ dài. - Quy đổi các đơn vị đo độ dài - Hỏi và trả lời về độ dài và chiều cao của 1 vật.</p>	<p>- millimetre/mm (mi-li-mét) - centimetre/ cm (xăng-ti-mét) - metre/ m (mét) - kilometre/ km (ki-lô-mét) - one thousand (một nghìn)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • How tall is the giraffe? (Con hươu cao bao nhiêu?) - It's 5 m tall. (Nó cao 5 mét.) • How long is the fish? (Con cá dài bao nhiêu?) - It's 20 cm long. (Nó dài 20 xăng-ti-mét.)
<p>Unit 5. Length and perimeter (Chương 5. Độ dài và chu vi) Lesson 2. Length word problems (Bài toán liên quan đến độ dài)</p>	<p>- Giải một số bài toán có lời văn liên quan đến độ dài - Xem lại các bài toán trong tài liệu.</p>	<p>- taller (cao hơn) - shorter (thấp hơn) - longer (dài hơn) - shorter (ngắn hơn)</p>	<p>- The tree is 1m taller than the giraffe. (Cái cây cao hơn con hươu 1 mét.) - The giraffe is 1m shorter than the tree. (Con hươu thấp hơn cái cây 1 mét.)</p>
<p>Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 3. Introduction to perimeter (Giới thiệu về chu vi)</p>	<p>Tìm chu vi của hình tam giác và hình tứ giác.</p>	<p>- perimeter (chu vi) - quadrilateral (hình tứ giác) - triangle (hình tam giác) - side (cạnh)</p>	<p>The perimeter of the triangle ABC is 13 cm. (Chu vi của hình tam giác ABC là 13 cm.)</p>
<p>Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 4. Perimeter of a square and a rectangle (Chu vi hình vuông và hình chữ nhật)</p>	<p>- Tìm chu vi hình vuông và hình chữ nhật. - HS ôn lại công thức tính chu vi hình vuông và hình chữ nhật: Chu vi hình vuông = chiều dài 1 cạnh \times 4 Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) \times 2</p>	<p>- width (chiều rộng) - length (chiều dài) - rectangle (chữ nhật) - square (hình vuông) - length of a side (chiều dài 1 cạnh)</p>	

II. HANDOUT ÔN TẬP

A. LISTENING

❶ Listen and circle the correct number. / Nghe và khoanh tròn vào số được nhắc đến.

a.



b.



c.

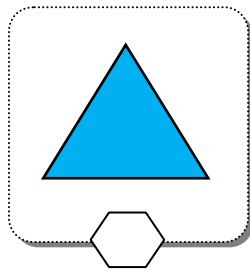
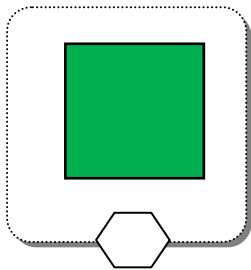


d.



❷ Listen and tick ✓ the correct picture. / Nghe và đánh dấu ✓ vào tranh đúng.

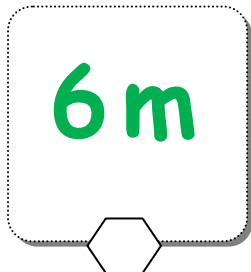
a.



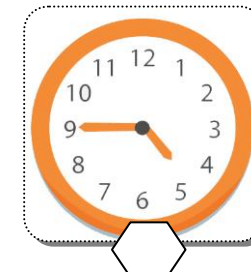
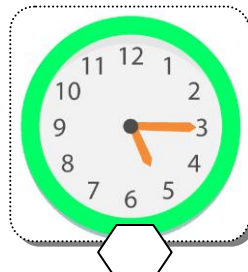
b.



c.



d.



3 Listen and circle the correct words. / Nghe và khoanh tròn từ đúng.



1. The perimeter of the _____ is 20 cm.

A. triangle

B. square

C. rectangle



2. The tree is _____ than the giraffe.

A. shorter

B. taller

C. smaller

B. READING & WRITING

1 Circle the correct answers. / Khoanh tròn đáp án đúng.



1. In the division $30 : 4 = 7 R 2$, the number 4 is the

A. divisor

B. dividend

2. In the division $73 : 9 = 8 R 1$, the number 1 is the

A. quotient

B. remainder

3. In the division $24 : 8 = 3$, the number 24 is the

A. dividend

B. factor

4. In the division $18 : 9 = 2$, the number 2 is the

A. product

B. quotient

② Read and write. / Đọc và viết các số đo.

E.g. two centimetres	<u>2 cm</u>
a. fourteen millimetres	
b. seven kilometres	
c. three hundred and sixty centimetres	
d. two hundred and one metres	

③ Complete the table. / Hoàn thành bảng sau.

a.

Length of the rectangle	5 cm	8 cm
Width of the rectangle	4 cm	7 cm
Perimeter of the rectangle		

b.

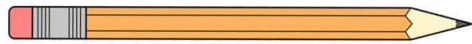
Length of a side	4 cm	6 cm
Perimeter of the square		

4 Solve the word problems. / Giải các bài toán có lời văn sau. (☆☆)

a. A crayon is 90 mm long. A pencil is 60 mm **longer** than the crayon.
How long is the pencil?



.....



The crayon is

b. Mike is 150 cm tall. Alex is 10 cm **taller** than Mike. How tall is Alex?



Mike



Alex



.....



Alex is



ĐÁP ÁN



A. LISTENING

1 Listen and circle the correct number.

a.  

b.  

c.  

d.  

Tapescript:

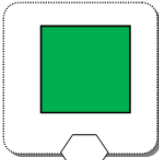
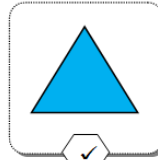
a. two hundred



b. four hundred



c. one hundred and sixty



d. two hundred and ten

2 Listen and tick ✓ the correct picture.

a.  

b.  

c.  

d.  

Tapescript:

a. triangle

b. half past four

c. six metres

d. a quarter past five

3 Listen and circle the correct words.

1. A

2. B

Tapescript:

1. The perimeter of the triangle is 20 cm.

2. The tree is taller than the giraffe.

B. READING & WRITING

① Circle the correct answers.

1. A

2. B

3. A

4. B

② Read and write.

a. 14 mm

b. 7 km

c. 360 cm

d. 201 m

③ Complete the table.

a.

Length of the rectangle	5 cm	8 cm
Width of the rectangle	4 cm	7 cm
Perimeter of the rectangle	<u>18 cm</u>	<u>30 cm</u>

b.

Length of a side	4 cm	6 cm
Perimeter of the square	<u>16 cm</u>	<u>24 cm</u>

④ Solve the word problems.

a. $90 + 60 = 150$ (mm)

The pencil is 150 mm long.

b. $150 + 10 = 160$ (cm)

Alex is 160 cm tall.